TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 8 - 2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn K, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T cưới nhau và sống chung từ năm 1989 do mai mối, cả hai có tìm hiểu nhau trước khi cưới và tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc gần mười năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà T không quan tâm đến gia đình, thường hay nói xấu ông với người ngoài, tính tình không hợp nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà T. Trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Đoàn Văn A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1990 và Đoàn Thiện T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998 đã trưởng thành nên không đề cập. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Đoàn Văn K cưới nhau và sống chung từ năm 1988 do mai mối, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến năm 2015 thì ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên phát sinh mâu thuẫn. Nay bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Đoàn Văn A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1990 và Đoàn Thiện T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998 đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị T cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông K cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ông làm đơn xin ly hôn với bà T. Căn cứ vào yêu cầu của ông K, nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án này là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, căn cứ xác nhận ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về hôn nhân thấy rằng ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị T cưới nhau và sống chung như vợ chồng từ sau ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2001 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đến thời điểm hiện tại ông bà cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội khóa X, các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông K và bà T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông K và bà T có hai con chung tên Đoàn Văn A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1990 và Đoàn Thiện T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998 đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K, bà T trình bày không có nên không đề cập.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Ông Đoàn Văn K phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội khóa X, các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử:

[1] Không công nhận ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Ông K, bà T có hai con chung tên Đoàn Văn A, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1990 và Đoàn Thiện T, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998 đã trưởng thành nên không đề cập

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K, bà T trình bày không có nên không đề cập.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn buộc ông Đoàn Văn K phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện